

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Khuất Thị Thanh;
- Bà Triệu Thị Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Kim Huệ, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**

Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Số nhà x, phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang); *có mặt*.

- Bị đơn: Anh Đào Ngọc Q; căn cước công dân số: xxxxxxxxxxxx; địa chỉ: Số nhà x, đường L, tổ x, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang); *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Đào Ngọc Q đăng ký kết hôn ngày 27/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống từ năm 2013 đến tháng 10/2024, quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh Q thường xuyên chửi, xúc phạm chị N, có vài lần cãi nhau còn đánh chị N. Chị N và anh Q đã ly thân từ cuối tháng 10/2024, hiện nay chị N không còn tình cảm với anh Q. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị N và anh Q có 03 con chung là cháu Đào Hà A, sinh ngày 24/9/2013; cháu Đào Hà P, sinh ngày 23/01/2019 và cháu Đào Anh Đ, sinh ngày 01/10/2020. Khi ly hôn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được trực tiếp nuôi cháu Đào Hà P và Đào Anh Đ; anh Q được trực tiếp nuôi cháu Đào Hà A. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đào Ngọc Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, anh Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống; xác nhận vợ chồng đã ly thân, chị N dọn về nhà mẹ đẻ từ ngày 22/10/2024 đến nay. Anh Q không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh Q và chị N ly hôn, anh Q đề nghị được nuôi cả 03 cháu Đào Hà A, Đào Hà P và Đào Anh Đ, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự; chị N vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Q giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn. Về con chung, chị N và anh Q thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Q là người trực tiếp nuôi cả 03 con chung là cháu Đào Hà A, Đào Hà P và Đào Anh Đ; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến cháu Đào Hà A, sinh ngày 24/9/2013, cháu A cho biết nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là cháu ở với bố hoặc mẹ đều được.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q, nhất trí để anh Q được quyền trực tiếp nuôi cả ba con chung, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị N, xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Đào Ngọc Q. Về con chung, do chị N và anh Q thống nhất giao cả 03 con chung cho anh Q trực tiếp nuôi, đề nghị xử giao cho anh Đào Ngọc Q được trực tiếp nuôi cả 03 con chung là cháu Đào Hà A, Đào Hà P và Đào Anh Đ. Do anh Q không yêu cầu nên chị Đỗ Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, nguyên đơn chị Đỗ Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N khởi kiện bị đơn anh Đào Ngọc Q về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các điều 5 và 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

[2] Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đào Ngọc Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Đào Ngọc Q đăng ký kết hôn ngày 27/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang (nay thuộc phường H, tỉnh Tuyên Quang); việc kết hôn đáp ứng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, anh Đào Ngọc Q xác nhận chị Đỗ Thị N đã dọn về nhà mẹ đẻ từ ngày 22/10/2024. Tại Biên bản làm việc ngày 02/7/2025, bà Lưu Thị T là mẹ đẻ của chị Đỗ Thị N cho biết: Vợ chồng chị N, anh Q hiện đã ly thân từ năm 2024, chị N và các cháu Đào Hà A, Đào Hà P, Đào Anh Đ đã chuyển về nhà bà T sinh sống. Anh Q mới đón 03 cháu Hà A, Hà P và Anh Đ về nhà anh

Q từ khi các cháu nghỉ hè. Trong thời gian chị N và anh Q ly thân, anh Q vẫn thường xuyên xuống thăm nom con, tuy nhiên bà T nhận thấy chị N và anh Q không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Tại Biên bản làm việc ngày 02/7/2025, bà Nông Thị T là mẹ đẻ của anh Đào Ngọc Q cho biết: Ngày 20/10/2024, anh Q và chị N có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, to tiếng, chị N cũng bỏ nhà từ thời điểm đó. Vào dịp Tết âm lịch, chị N vẫn về nhà để ăn tết khiến bà T tưởng vợ chồng đã hòa thuận; tuy nhiên hết dịp nghỉ lễ chị N lại bỏ về nhà mẹ đẻ, không thông báo cho Bà biết. Gia đình Bà đã nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Tại Biên bản làm việc ngày 02/7/2025, bà Vi Thị L là tổ trưởng tổ x, phường N cũ (nay thuộc phường H), tỉnh Tuyên Quang cho biết: Bà không nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị N, tuy nhiên được biết anh Q là người ham vui, thường xuyên đi sớm về khuya dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn.

[5] Tại Biên bản tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, đại diện Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố H, Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin thành phố H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Đào Ngọc Q. Về con chung, chị N đồng ý cho anh Q được nuôi cả 03 con chung, anh Q không đề nghị chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em theo quy định của pháp luật.

[6] Chị N và anh Q đã ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay, không còn cùng chung sống, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ về tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q. Anh Q không nhất trí ly hôn, cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nhưng quá trình giải quyết vụ án không có biện pháp hàn gắn mâu thuẫn để vợ chồng quay về đoàn tụ mà vẫn tiếp tục sống ly thân. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ các điều 19 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị N, xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với ông Đào Ngọc Q.

[7] Về con chung: Chị Đỗ Thị N và anh Đào Ngọc Q có 03 con chung là cháu Đào Hà A, sinh ngày 24/9/2013; cháu Đào Hà P, sinh ngày 23/01/2019 và cháu Đào Anh Đ, sinh ngày 01/10/2020. Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh Q thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị N và anh Q ly hôn, anh Q là người trực tiếp nuôi cả 03 con chung là cháu Đào Hà A, Đào Hà P và Đào Anh Đ; chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc chị N nhất trí để cho anh Q được nuôi cả 03 con chung được coi là việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị N; việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi yêu

cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về nuôi con khi ly hôn của chị N. Anh Q nhất trí được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị N và anh Q ly hôn. Xét thấy, chị N và anh Q đã thống nhất được về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn; xem xét nguyện vọng của cháu Đào Hà A, căn cứ điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị N, giao cho anh Đào Ngọc Q trực tiếp nuôi cả 03 con chung là cháu Đào Hà A, Đào Hà P và Đào Anh Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q có quan điểm không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng, yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và chị N cũng nhất trí không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết định việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N và bị đơn anh Đào Ngọc Q xác nhận không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các điều 5 và 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị N ly hôn với anh Đào Ngọc Q.

1.2. Về con chung: Giao cho anh Đào Ngọc Q được trực tiếp nuôi cả 03 con chung là cháu Đào Hà A, sinh ngày 24/9/2013; cháu Đào Hà P, sinh ngày 23/01/2019 và cháu Đào Anh Đ, sinh ngày 01/10/2020. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch số tiền là **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000579 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập). Xác nhận chị Đỗ Thị N đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV4 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường H, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Khánh Phương